|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ NGHỆ AN  **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT  BỆNH TẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TM-KSBT | *Nghệ An, ngày tháng 01 năm 2025* |

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chuyên môn quý 1 năm 2025 tại đơn vị với nội dung như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược-VTYT - SĐT: 0971124104

3. Cách thức, điạ chỉ nhận báo giá.

Gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ có kí, đóng dấu xác nhận của công ty qua đường Bưu điện về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, 140 Lê Hồng Phong, TP Vinh, Nghệ An.

***Lưu ý:*** Hồ sơ báo giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng Hóa chất, vật tư, sinh phẩm phục vụ hoạt động chuyên môn quý 1 năm 2025 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An”.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính, từ ngày 08/01/2025 đến 17h ngày 18/01/2025. Các báo giá nhận được sau ngày 18/ 01/ 2025 sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 18/01/2025.

6. Thư mời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có địa chỉ: <https://cdcnghean.vn>.

Bên báo giá đồng ý cho bên mời báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các thư báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cần báo giá chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm.
2. Các đơn vị cung cấp báo giá đề nghị làm báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm.

3. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý công ty./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu VT, Dược-VTYT, Tổ mua sắm. | **GIÁM ĐỐC**  **Chu Trọng Trang** |
|  |  |

**PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ MỜI BÁO GIÁ**

*(Kèm thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày /01/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)*

| **TT** | **Tên hàng hoá** | **Tiêu chuẩn kỹ thuật** | **Quy cách đóng gói** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Abbott Bioline HIV 1/2 3.0 | Xác định sự hiện diễn của kháng thể kháng HIV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100%. | 25test/hộp hoặc 30test/hộp hoặc 100 test/hộp | Test | 200 |
| 2 | Alere Determine HIV 1/2 | Xác định sự hiện diễn của kháng thể kháng HIV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,8%. | 100test/gói | Test | 100 |
| 3 | Natri carbonat Na2CO3 | Độ tinh khiết: ≥ 99.99 % Khối lượng mol: 105.99 g/mol Dạng: rắn, màu trắng Mật độ: 2,53 g/cm3 (20 °C) Điểm nóng chảy: 854 °C Giá trị pH: 11,16 (4 g/l, H₂O, 25 °C) Mật độ lớn: 1100 kg/m3 Nhiệt độ bảo quản: 5-30°C | 1000g/lọ | gam | 1000 |
| 4 | Giấy lọc định lượng không tro | Mã màu: Trắng Đường kính 110mm Không có tro (hàm lượng tro < 0.01%) Tốc độ lọc: 20 giây Lưu giữ hạt: 8 đến 12μm Độ dày (Số liệu): 0,19 mm Lớp: 389 Trọng lượng cơ bản: 84 g / m² | 100tờ/ hộp | tờ | 200 |
| 5 | Định lượng Creatinin | - Khoảng tuyến tính: + Huyết thanh/ huyết tương: Từ ≤ 5 – ≥ 2.200 μmol/L (Từ ≤ 0,06 – ≥ 25,0 mg/dL) + Nước tiểu: Từ ≤ 88 – ≥ 35.360 μmol/L (Từ ≤ 1 – ≥ 400 mg/dL) - Độ lặp lại: CV ≤ 1,12%; - Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,48%Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL - Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | (4 lọ R1 x51ml+4 lọ R2 x51ml )/ Hộp | Hộp | 1.5 |
| 6 | Định lượng Cholesterol toàn phần | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L); Cholesterol oxidase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μkat/L); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL); Bước sóng: 540 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,7%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,8%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test | (45ml/lọ x 4 lọ)/ hộp | Hộp | 0.25 |
| 7 | Định lượng Triglycerid | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; Mg2+ 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L ( 25 μkat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L ( 8.3 μkat/L); Peroxidase 0.98 kU/L ( 16.3 μkat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 μkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 μkat/L); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,1 – 11,3 mmol/L (10 – 1.000 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,06%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,76%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test | (4 lọ R1 x20ml+4 lọ R2 x5ml)/ Hộp | Hộp | 1 |
| 8 | Cồn 96° | Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng |  | Lít | 35 |
| 9 | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản | Bộ xét nghiệm dùng để xác định định tính kháng thể IgM kháng virus Viên não Nhật Bản trong huyết thanh hoặc huyết tương người.Thành phần: + Dải Microtiter được phủ cho IgM người + Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho IgM loại A + JE Kiểm soát âm tính + JE IgM Kiểm soát dương tính + Kháng nguyên JE (JERA) cho IgM + Kháng nguyên tế bào bình thường sẵn sàng sử dụng (NCA) cho JE IgM + Enzyme Conjugate-HRP cho JE IgM + 10X Dung dich đệm rửa + EnWash + Chất nền TMB + Dung dịch dừng phản ứng. | 96 test/hộp | Test | 96 |
| 10 | Bộ xét nghiệm đinh lượng, định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Sởi | Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi  Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: 12 cái. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng.  - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 98.9% Độ đặc hiệu: > 99.0% Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 2.8% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2% - 9.3% Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với virus Mumps IgM, virus cúm IgM, Virus Epstein-Barr VCA IgM, Adenovirus IgM, Rubella Virus IgM, Virus hợp bào hô hấp IgM, Parvovirus IgM, Chikungunya Virus IgM và virus Dengue IgM. Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng | 96 test/hộp | Test | 384 |
| 11 | Môi trường nuôi cấy vi khuẩn tả | Môi trường chọn lọc để phát hiện Vibrio spp gây bệnh đường ruột từ các mẫu lâm sàng và mẫu phi lâm sàng, theo ISO 21872. - Thành phần (g/l): Peptone 10.0; Yeast Extract 5.0; Sodium Citrate 10.0; Sodium Thiosulfate 10.0; Iron(III) Citrate 1.0; Sodium Chloride 10.0; Dried Bovine Bile 8.0; Sucrose 20.0; Bromothymol Blue 0.04; Thymol Blue 0.04; Agar 15.0; pH cuối cùng 8.6 ± 0.2 ở 25°C - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be nhạt đến màu be xanh. - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE | 500g/hộp | Hộp | 1 |
| 12 | Môi trường nuôi cấy phân lập Salmonella spp. và Shigella spp | Môi trường chọn lọc để phân lập Salmonella spp. và Shigella spp. Thành phần (g/l): Peptone 5.0; HM Peptone B 5.0; Lactose 10.0; Yeast Extract 5.0; Sodium Citrate 1.0; Bile Salts mixture 8.5; Ferric Citrate 1.0; Brilliant Green 0.33 mg; Neutral Red 0.025; Agar 15.0; pH cuối cùng 7.0 ± 0.2. Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt. Bảo quản: 10-25°C- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE. | 500g/hộp | Hộp | 1 |
| 13 | Môi trường thạch KIA | Thực hiện thử nghiệm lên men đường Glucose, Lactose Sinh Hidrogen Sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm dễ mọc | 3-5ml/ống | Ống | 30 |
| 14 | Lysin Decarboxylase | Thực hiện thử nghiệm Lysin Decarboxylase dùng định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc | 3-5ml/ống | Ống | 30 |
| 15 | Manit di động | Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn | 3-5ml/ống | Ống | 30 |
| 16 | Môi trường Ure Indol | Thực hiện thử nghiệm sinh Urease, sinh Indol và di động để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc | 3-5ml/ống | Ống | 30 |
| 17 | Màng lọc  Cellulose Nitrate | Chất liệu: Cellulose nitrate Đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc: 0.45µm.  Màng lọc kẻ ô, nền màu trắng kẻ màu đen | 100 cái/hộp | Cái | 500 |
| 18 | Chai nhựa 1,5l | Chất liệu: Nhựa ;Thể tích: 1.5lit | 100 chai/Bịch | Chai | 200 |
| 19 | Đo hoạt độ ALT (GPT) | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Аlanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 μkat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 2,1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,7%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test | (4 lọ R1 x50ml+4 lọ R2 x25ml )/ Hộp | Hộp | 2.5 |
| 20 | Đo hoạt độ AST (GOT) | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH ≥ 0,9kU/L; MDH ≥ 0,6kU/L; NADH 0,2mmol/L ; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 μkat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,9%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,9%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test | (4 lọ R1 x25ml+4 lọ R2 x25ml )/ Hộp | Hộp | 2.5 |
| 21 | Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động | Dạng dung dịch, thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4%, Triton X-100 10% | Hộp 1 Chai (Chai 100ml) | Chai | 2 |
| 22 | Dung dịch định lượng Glucose | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ ≥ 1,32 mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase ≥ 0,59 kU/L; G6P-DH ≥ 1,58 kU/L ; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ mẫu ly giải/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L (10 – 800 mg/dL), Nước tiểu: 0 – 45 mmol/L (1 – 800 mg/dL); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 2,3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,15%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test | ( 4 lọ 25ml+4 lọ x 12.5ml )/ hộp | Hộp | 1 |
| 23 | Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13485 | 1x3ml/Lọ | Lọ | 1 |
| 24 | Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13486 | 1x3ml/Lọ | Lọ | 1 |
| 25 | Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13487 | 1x3ml/Lọ | Lọ | 1 |
| 26 | Chlamydia Rapid Test | Phát hiện kháng nguyên Chlamydia trong mẫu chổi tế bào, tăm bông dịch cổ tử cung.  Độ nhạy ≥ 93.1%; Độ đặc hiệu ≥ 98.8%  Test xét nghiệm gồm 1 lọ dung dịch tách chiết A. 1 lọ dung dịch trung hòa B. Test xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Giới hạn phát hiện: 19.7 µg/ml. Hạn dùng lớn hơn hoặc bằng 18 tháng. | 20 Test / Hộp | Test | 980 |
| 27 | Dung dịch nhuộm gram | Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Lugol chai 500ml .Tím Gentian 500 ml, Đỏ fucsin 500ml | 3chai x 500ml | ML | 1500 |
| 28 | IVF | G -IVF chứa tất cả những thành phần cần thiết nhằm hỗ trợ các chức năng của trứng và phôi trong suốt quá trình thụ tinh . Môi trường đệm Hydrocacbonat có chứa Albumin huyết thanh người tái tổ hợp | 30 ML / Lọ | ML | 30 |
| 29 | Dung dịch Acid acetic 3% | Acid Acetic CH3COOH | 500ml/chai | chai | 40 |
| 30 | Gel bôi trơn KY | Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate.Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo…đã được tiệt trùng. | 82 gam/tuyp | Tuýp | 120 |
| 31 | Lugol 3% | Dung dịch Iod mạnh | Việt Nam | chai | 20 |
| 32 | Băng dính cuộn vải lụa y tế | Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m | Cuộn | cuộn | 50 |
| 33 | Bơm Kacman 1 van | Bơm hút thai có tác dụng tạo áp lự âm, có tác dụng chứa chất hút từ buồng tủ cung.1 ống bơm 1 van 60cc,1 pitton kín, 1 roăng cao su hình chữ O, 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pit ton không bị tuột khỏi ống bơm, 1 bộ van | Đóng gói từng cái, dung tích 60ml, kèm theo ống hút 4.5.6mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn | cái | 10 |
| 34 | Bơm Kacman 2 van | Bơm hút thai có tác dụng tạo áp lự âm, có tác dụng chứa chất hút từ buồng tủ cung thai từ 8 đến 12 tuần | 01 Bơm hút 2 van dung tích 60ml, kèm theo ống hút 4.5.6,7,8,9,10,12mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn | cái | 1 |
| 35 | Đầu côn trắng (có khía) | Đầu côn không có lọc 100ul- 500ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, có khía, Màu sắc: Trắng, Mục đích: Dùng rửa | 1000 cái/túi | Cái | 1000 |
| 36 | Kim cánh bướm | Đầu kim 3 mặt vát được trán 1 lớp silicon, làm bằng hợp kim Crôm-Nikel Chiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phútDây nôi 30cm, không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn Có đầu khóa Luer | Kim cánh bướm | Cái | 1500 |
| 37 | Nước cất ( Dạng ống nhựa 10ml ) |  |  | Ống | 500 |
| 38 | Gạc Vô khuẩn đắp vết thương 6\*15cm |  |  | Cái | 230 |
| 39 | Yếu tố dạng thấp | RF Absorbent được dùng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tuỷ(CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể IgM đặc hiệu trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp. | 20 ml/ lọ | Lọ | 5 |
| 40 | Ống nhựa Falcon đáy nhọn | Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chất liệu: ống nhựa PP, nắp nhựa PE Kích thước: 17\*120mm, Độ dày: 1.0mm Thể tích thực: 15ml, đáy nhọn Chứng chỉ: ISO13485, CE | 50 cái / bịch | Cái | 50 |
| 41 | Que cấy (Stick/Loop) | Dùng cho các quy trình cấy vi sinh, size 10ul, nhựa HIPS,đã tiệt trùng. | 02 que/túi | Túi | 20 |
| 42 | Thùng lấy mẫu | Dung tích: 24L, Kích thước: 413 x 283 x 360 mm, Nguyên liệu: nhựa PP chính phẩm. Nắp rời. Màu sắc: Xanh dương. | Thùng | Thùng | 1 |
| 43 | Túi ủ kỵ khí Anaero/ AnaeroPack CO2 | Thành phẩn chính: acid ascorbic (Vitamin C) Kích thước:  2,5l: W135 x L197 x H95 (mm) | 10 túi /Gói | Túi | 200 |
| 44 | Test nhanh chẩn đoán giang mai | Thành phần gồm:   Kháng nguyên tái tổ hợp Treponema pallidum  Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum  Dung môi: đệm Tris-HCL; Natri azide Độ nhạy ≥ 98.9%;  Độ đặc hiệu ≥98.5%;  Độ chính xác ≥ 98.9% | 25 Test / hộp | Test | 1000 |
| 45 | Pipetpateur | Pipets nhựa 3ml tiệt trùng có chia vạch .0.5mm | 25 cái/Hộp | Cái | 25 |
| 46 | Síhilecpur | Môi trường lọc rửa tinh trùng pha sắn 2 nồng độ Upper 45% và lower 90% | Bộ 2 lọ Ml(Mỗi lọ 20ml) | Bộ | 1 |
| 47 | Ống nghiệm thủy tinh 1,2\* 7 | Chất liệu: Thủy tinh trong suốt. Không chia vạch, ống trơn, không nắp, không có nhãn ghi, bề mặt nhẵn trơn dễ dàng rửa sạch sau khi sử dụng. Kích thước: 1,2cm x 7cm | 2000 Cái/thùng | Cái | 1000 |
| 48 | Ống hút thai cỡ 4 | ống nhưa số 4 (màu vàng) | cái | cái | 20 |
| 49 | Ống hút thai cỡ 5 | ống nhưa số 5 (màu xanh) | cái | cái | 20 |
| 50 | Ren Bơm Kac man | Ren bôi trơn bơm hút Kacman | 2ml/típ | Típ | 20 |
| 51 | Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc | Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày | 5 lít/ can | Lít | 5 |
| 52 | Băng dính cá nhân | Thiết kế chống thấm nước, thông thoáng, độ dính cao, co giãn tốt. Kích thước 1 cái: 2 x 6cm | 102 miếng/hộp | Cái | 17400 |
| 53 | Thử thai sớm | Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu - Mẫu thử: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL  - Bảo quản nhiệt độ thường | 50 Test/Hộp | Test | 480 |
| 54 | Dung dịch rửa tay | Gồm 2 - 4 % chlorhexidine hoặc 5 -7 % providone iodine hoặc 1% triclosan | 500 ml/Chai | lít | 60 |
| 55 | DD Iot | Dung dịch sát khuẩn da LS Iodine 10% | 500 ml/Chai | Lít | 120 |
| 56 | Bàn chải rửa tay | Chất liệu nhựa PVC  - Thân bàn chải màu trắng, lông bàn chải màu đen - Chịu được nhiệt độ cao khi hấp sấy tiệt trùng không biến chất, với sợi mềm mại, dễ làm sạch bề mặt da và móng tay, tái sử dụng nhiều lần. | Hộp | Cái | 396 |

**PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ**

*(kèm thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày /01 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị cung cấp**  **Địa chỉ**  **Số điện thoại** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An**

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TM-KSBT của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An ngày tháng 01 năm 2025, chúng tôi .... *[ghi tên; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên của các thành viên liên danh]* có mã số thuế………………..báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế/ hàng hóa và dịch vụ liên quan **ĐVT: VND**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **STT trong thư mời báo giá** | **Tên hàng hóa** | **Tiêu chí kỹ thuật** | **Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất** | **Mã HS**  **(nếu có)** | **Năm sản xuất** | **Xuất xứ** | **Quy cách đóng gói** | **Đơn vị tính** | **Số lượng/Khối lượng** | **Đơn giá**  **(VNĐ)** | **Chi phí cho các dịch vụ liên quan**  **(VNĐ)** | **Thuế, phí, lệ phí (nếu có)(VNĐ)** | **Thành tiền (VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng tiền .. mặt hàng** | | | | | | | | | | | | | |  |

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan nếu có)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 18/01/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày.... tháng....năm.... **Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)** *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |